TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 94/2018/DSPT
Ngày: 11-10-2018
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Đoàn Ngọc Thiện.

Ông Trương Văn Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thùy Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/ DSST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 97/2018/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Hiền T1, sinh năm 1960; địa chỉ: khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Kim M, sinh năm 1962; địa chỉ: khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Tuyết T1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số A đường T, phường N, thành phố R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu *"Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 04 tháng 10 năm 2018"* (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Ngô Chí H, sinh năm 1984.

3.2. Ông Ngô Chí N, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (đều

có mặt).

3.3. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà A đường Đ, khu phố L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3.4. Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1965; địa chỉ: Số A khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Hoàng Kim M.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Ngô Hiền T1 trình bày:

Bà Mã Thị R (chết năm 1983) và ông Ngô Văn T2 (chết năm 1987) là cha mẹ của ông Ngô Hiền T1. bà R và ông T2 có 03 người con là ông Ngô Hiền T1, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị T2. Năm 1960, bà R khai khẩn lô đất có diện tích 396,2m^2 thuộc thửa 31, Tờ bản đồ số 104 tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền và cất nhà để ở vào năm 1962. Đầu năm 1983 thì bà R chết không để lại di chúc, cuối năm 1983 thì ông T1 và bà Hoàng Kim M về sống chung tại căn nhà này với ông T2. Năm 1987, ông T2 chết không để lại di chúc, ông T1 và bà M vẫn sống chung tại nhà đất này. Năm 1996, bà N và bà T2 có đơn gửi UBND thị trấn Long Điền để yêu cầu ông T1 chia thừa kế đất do bà R, ông T2 để lại. Tại Biên bản hòa giải ngày 15/10/1996 của UBND thị trấn huyện Long Điền thì ông T1 đồng ý để cho bà T2 cất nhà trên thửa đất 31, Tờ bản đồ số 104 tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền. Năm 2010, ông T1 kê khai đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ). Ngày 16/6/2010, UBND huyện Long Điền cấp sổ đỏ số BB 410269 với diện tích đất 396,2m^2 thuộc thửa 31, Tờ bản đồ số 104 tại thị trấn Long Điền cho ông T1 đứng tên. Ngày 29/6/2010, ông T1 có đơn yêu cầu tách thửa đất số 31 thành 02 thửa. Ngày 13/7/2010, UBND huyện Long Điền chấp nhận tách thửa và cấp cho ông T1 đứng tên 02 sổ đỏ gồm: Sổ đỏ số BC 456003 đối với diện tích 135,5m^2 thuộc thửa đất 120, Tờ 104 tại thị trấn Long Điền và sổ đỏ số BC 456004 đối với diện tích 260,3m^2 thuộc thửa đất 31, Tờ bản đồ số 104 tại thị trấn Long Điền. Ngày 19/7/2010, ông T1 ký hợp đồng tặng cho bà T2 diện tích đất 135,5m^2 thuộc thửa 120, Tờ bản đồ số 104 tại thị trấn Long Điền. Ngày 13/8/2010, UBND huyện Long Điền cấp sổ đỏ diện tích đất này cho bà T2. Diện tích đất còn lại thuộc quyền sử dụng của ông T1 là 260,3m^2 và căn nhà cấp 4 do bà R, ông T2 xây dựng thì ông T1, bà M tiếp tục sử dụng. Cũng trong năm 2010, ông T1 và bà M sửa chữa nâng nền, lát gạch bông căn nhà thờ và làm thêm mái che, xây tường rào, nhà kho, nhà vệ sinh với tổng số tiền khoảng 50.000.000đồng. Năm 2016, ông T1 nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà M và được Tòa án nhân dân huyện Long Điền giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Về tài sản chung thì ông T1 và bà M không yêu cầu giải quyết. Từ ngày ly hôn đến nay, bà M vẫn ở tại nhà đất này, nay ông T1 yêu cầu bà M phải trả lại nhà, đất cho ông T1. ông T1 chấp nhận thanh toán cho

bà M ½ số tiền mà ông T1, bà M bỏ ra để sửa chữa nhà vào năm 2010 là 25.000.000 đồng và hỗ trợ cho bà M di dời đi chỗ ở mới là 25.000.000đồng.

2. *Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn bà Hoàng Kim M trình bày:*

Bà M thừa nhận căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất 260,3m^2 thuộc thửa 31, Tờ bản đồ số 104 tại thị trấn Long Điền đã được UBND huyện Long Điền cấp sổ đỏ số BC 456004 ngày 13/7/2010 cho ông T1 đứng tên là nhà đất do cha, mẹ của ông T1 để lại. Năm 1983, sau khi mẹ ông T1 chết thì ông T1, bà M về sống chung như vợ chồng tại nhà đất này. Trong thời gian chung sống trong căn nhà này thì ông T1, bà M có sửa chữa nâng nền và lát gạch bông căn nhà và làm thêm mái che, xây tường rào, nhà kho, nhà vệ sinh với tổng số tiền khoảng 200.000.000đồng. Nhà đất này đã được những người thừa kế của cha mẹ ông T1 chia cho ông T1 nên là tài sản chung của ông T1, bà M. Vì vậy, bà M yêu cầu chia cho bà M ½ giá trị nhà đất này.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

** Ông Ngô Chí H và ông Ngô Chí N trình bày: ông H* và ông N là con chung của ông T1 và bà M. Việc ông T1 và bà M tranh chấp tài sản thì ông H, ông N không có ý kiến và yêu cầu gì. ông H cưới vợ vào năm 2013 và có ở chung với ông T1, bà M được khoảng 02 năm thì vợ chồng ông H về ở chung với gia đình bố mẹ vợ nhưng ông H cũng thường chạy đi chạy về nhà ông T1, bà M. Trước đây, ông H có đưa cho bà M 70.000.000đồng để trả nợ thì ông H cho bà M luôn chứ không yêu cầu gì.

** Bà Ngô Thị N và bà Ngô Thị T2 trình bày:* Bà Mã Thị R (chết năm 1983) và ông Ngô Văn T2 (chết năm 1987) là cha mẹ của ông Ngô Hiền T1, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị T2. Diện tích đất 396,2m^2 thuộc thửa 31, Tờ bản đồ số 104 tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền là do bà R khai khẩn vào năm 1960 và cất nhà ở từ năm 1962. ông T2 và bà R chết không để lại di chúc. ông T1, bà N và bà T2 đã thỏa thuận để căn nhà và diện tích đất 260,3m^2 cho ông T1 toàn quyền sử dụng, sở hữu để thờ cúng, chia cho bà T2 được hưởng diện tích đất 135,5m^2. Việc sang tên, cấp sổ đỏ cho ông T1, bà T2 thì theo như lời trình bày trên của ông T1. bà T2 và bà N xác định không T1ranh chấp với ông T1 đối với căn nhà và diện tích đất 260,3m^2 mà ông T1 đang đứng tên trong sổ đỏ.

4. Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DSST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hiền T1 đối với bà Hoàng Kim M về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Buộc bà Hoàng Kim M phải di dời chỗ ở khác, trả lại toàn bộ căn nhà thờ gắn liền với quyền sử dụng diện tích đất 260,3m^2 thuộc thửa đất 31, Tờ bản đồ số 104 tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất BC 456004 do UBND huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 7 năm 2010 cho ông Ngô Hiền T1).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Hiền T1 cho bà Hoàng Kim M được quyền lưu cư trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày 01/8/2018 và hỗ trợ di dời chỗ ở cho bà M số tiền 25.000.000đồng.

Về tài sản chung: Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Ngô Hiền T1 và bà Hoàng Kim M gồm: Mái che phía trước và sau nhà, tường rào, nhà kho, nhà vệ sinh và sửa chữa lát nền gạch bông căn nhà thờ có tổng trị giá 50.000.000đồng. ông T1 được quyền sở hữu tài sản chung và thanh toán cho bà M ½ giá trị là 25.000.000đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo vẽ, định giá, thẩm định tài sản tranh chấp, án phí sơ thẩm và thời hạn kháng cáo.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, bà Hoàng Kim M nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với yêu cầu chia cho bà M ½ tổng giá trị tài sản là nhà ở, các vật kiến trúc và diện tích đất 260,3m^2 thuộc thửa đất 31, Tờ bản đồ số 104 tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền.

5. Tại Quyết định kháng nghị số 221/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DSST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nội dung và án phí.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu rút một phần Quyết định kháng nghị số 221/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền về việc cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng. Các đương sự không T1hỏa thuận được với nhau về vấn đề tranh chấp và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

7. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền để sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc ông T1 hỗ trợ thêm cho bà M một khoản tiền để tìm chỗ ở mới, tăng thêm thời gian lưu cư cho bà M và sửa phần án phí đối với khoản tiền mà ông T1 tự nguyện hỗ trợ cho bà M để di dời đến chỗ ở mới.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Hoàng Kim M nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[2]. Quyết định kháng nghị số 221/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phù hợp với quy định tại các Điều 278, 279, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3]. Ông Ngô Hiền T1 và bà Hoàng Kim M sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1983 tại căn nhà tọa lạc trên mảnh đất thuộc thửa 31, Tờ bản đồ 104 tại thị trấn Long Điền. Nhà đất này của cha mẹ ông T1 là bà Mã Thị R và ông Ngô Văn T2. ông T1 và bà M đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 73/2016/QĐHNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền. Khi giải quyết ly hôn thì ông T1, bà M không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án nhân dân huyện Long Điền không giải quyết về tài sản của ông T1 và bà M là đúng quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Khi còn là quan hệ vợ chồng thì ông T1, bà M sống chung tại căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất 260,3m^2 thuộc thửa đất 31, Tờ bản đồ 104 tại thị trấn Long Điền. Ngoài ra còn sử dụng các tài sản sau: Mái che, tường rào xây, nhà kho, nhà vệ sinh. Sau khi ly hôn thì bà M vẫn sử dụng nhà, đất và các tài sản, vật kiến trúc này. Ngày 15/6/2006, ông T1 có đơn khởi kiện yêu cầu bà M trả lại nhà đất thuộc thửa 31, Tờ bản đồ 104 tại thị trấn Long Điền. Để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T1 thì Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 260,3m^2 thuộc thửa 31, Tờ bản đồ 104 tại thị trấn Long Điền và tài sản, vật kiến trúc tọa lạc trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ai thì mới giải quyết được vụ án. Trong khối tài sản mà ông T1 đòi bà M trả lại có tài sản chung của ông T1, bà M cùng tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. ông T1, bà M đều yêu cầu chia tài sản chung; mặc dù bà M không có đơn phản tố và ông T1 không có đơn khởi kiện bổ sung về việc chia tài sản chung nhưng việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T1 không T1hể tách rời việc chia tài sản chung của ông T1, bà M trong khối tài sản mà ông T1 đòi bà M trả lại. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết luôn việc chia tài sản chung của ông T1, bà M là không vi phạm Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc xây dựng hồ sơ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa chặt chẽ về thủ tục tố tụng vì không có chứng cứ, tài liệu thể hiện là đã yêu cầu bà M làm đơn phản tố và nộp tạm ứng án phí sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản chung nên cần phải rút kinh nghiệm.

[5]. Căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất 260,3m^2 thuộc thửa 31, Tờ bản đồ 104 tại thị trấn Long Điền đã được UBND huyện Long Điền cấp sổ đỏ số BC 456004 ngày 13/7/2010 cho ông T1 thì bà M, ông T1 đều thừa nhận là di sản của cha mẹ ông T1 để lại nhưng không lập di chúc. Những người thừa kế hàng thứ nhất của cha mẹ ông T1 là bà T2, bà N đều đồng ý để cho ông T1 được quyền sở

hữu, sử dụng để thờ cúng ông bà, cha mẹ. bà M cho rằng, nhà đất này bà T2, bà N đồng ý để cho ông T1 nên là tài sản chung của ông T1, bà M là không có căn cứ. bà T2, bà N đồng ý để nhà đất này cho một mình ông T1 nhưng không có chứng cứ gì thể hiện là ông T1 đã nhập nhà đất này vào tài sản chung của ông T1, bà M. Tại Đơn xác nhận tài sản riêng của bà M đề ngày 21/10/2009 có chứng thực của UBND thị trấn Long Điền với nội dung: Diện tích thửa đất 31, Tờ bản đồ số 104 tại thị trấn Long Điền do ông T1 được hưởng thừa kế của cha mẹ ông T1 là tài sản riêng của ông T1 chứ không liên quan đến bà M. Như vậy, đủ cơ sở để khẳng định căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất 260,3m^2 thuộc thửa 31, Tờ bản đồ 104 tại thị trấn Long Điền là tài sản riêng của ông T1.

[6]. Trong quá trình sử dụng nhà đất của bà R, ông T2 để lại thì bà M, ông T1 đều thừa nhận là ông T1, bà M có tạo dựng những tài sản, vật kiến trúc trên thửa đất 31, Tờ bản đồ số 104 tại thị trấn Long Điền gồm: Mái che phía trước nhà cấp 4, mái che phía sau nhà cấp 4, nhà kho, nhà vệ sinh. Theo bà M thì bà M và ông T1 phải bỏ ra 200.000.000đồng; còn theo ông T1 thì ông T1 và bà M bỏ ra số tiền 50.000.000đồng để làm mái che phía trước nhà cấp 4, mái che phía sau nhà cấp 4, nhà kho, nhà vệ sinh và nâng nền, lát gạch bông nhà cấp 4. Việc ông T1 và bà M bỏ ra bao nhiêu tiền để tạo dựng phần tài sản chung này đều không có cơ sở xác định nên cần phải căn cứ vào hiện trạng và kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Long Điền để xác định giá trị tài sản chung của ông T1 và bà M.

[7]. Theo Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Long Điền lập ngày 30 tháng 5 năm 2018 thì giá trị căn nhà cấp 4 là 93.757.800đồng, mái che phía trước nhà cấp 4 trị giá 13.283.850đồng, mái che phía sau nhà cấp 4 trị giá 9.177.000đồng, nhà kho trị giá 1.566.720 đồng, nhà vệ sinh trị giá 436.000 đồng. Đối với giá trị nền gạch bông và nâng nền nhà cấp 4 thì Hội đồng định giá tài sản không xác định được giá trị riêng mà xác định chung trong tổng giá trị căn nhà cấp 4. Như vậy, tài sản mà ông T1 và bà M tạo dựng trong thời kỳ sống chung gồm mái che phía trước nhà cấp 4, mái che phía sau nhà cấp 4, nhà kho, nhà vệ sinh có tổng giá trị là 35.115.090đồng. Đối với giá trị nền gạch bông và nâng nền nhà cấp 4 thì ông T1 xác định có giá trị 50.000.000đồng - 35.115.090đồng = 14.884.910đồng tương ứng với 14.884.910đồng : 93.757.800đồng = 16% giá trị căn nhà cấp 4 nên ông T1 xác định giá trị tài sản chung của ông T1 và bà M có giá trị 50.000.000 đồng là hợp lý.

[8]. Như vậy, bản án sơ thẩm xác định tài sản chung của ông T1, bà M tạo lập trong thời kỳ sống chung có giá trị 50.000.000đồng và giao cho ông T1 được quyền sở hữu tài sản chung nhưng phải thanh toán cho bà M 25.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình. Bản án sơ thẩm còn ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 về việc ông T1 hỗ trợ cho bà M 25.000.000đồng chi phí di dời sang chỗ ở mới và cho bà M được lưu cư trong thời hạn 03 tháng là hợp lý.

[9]. Xét thấy, sau khi chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1 để buộc bà M trả lại nhà đất thì bà M không có chỗ ở. Mặc dù hoàn cảnh kinh tế hiện tại của ông

T1 có khó khăn nhưng ông T1 có chỗ ở ổn định nên cần buộc ông T1 hỗ trợ thêm cho bà M 15.000.000đồng để bà M tìm chỗ ở mới.

[10]. Đối với đề nghị của Kiểm sát viên về việc tăng thời gian lưu cư cho bà M theo quy định tại Điều 63 của Luật Hôn nhân và gia đình thì theo quy định tại Điều 63 của Luật hôn nhân và gia đình, bà M có quyền yêu cầu được lưu cư nếu bà M có khó khăn về chỗ ở. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông T1 tự nguyện để cho bà M lưu cư trong thời hạn 03 tháng và bản án sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện này của ông T1. bà M không kháng cáo yêu cầu tăng thời hạn lưu cư và tại phiên tòa phúc thẩm, bà M không yêu cầu tăng thêm thời hạn lưu cư nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11]. Đối với số tiền ông T1 hỗ trợ cho bà M để di dời sang chỗ ở mới là hoàn toàn tự nguyện nhưng bản án sơ thẩm buộc ông T1 phải chịu án phí đối với khoản tiền này là không đúng với quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long điền để sửa bản án sơ thẩm.

[12.]. Từ những phân tích, nhận định trên và theo đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Hoàng Kim M. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền để sửa một phần bản án sơ thẩm về việc ông T1 hỗ trợ cho bà M tìm chỗ ở mới và án phí sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm thì bà M không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95 của Luật đất đai 2013; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Hoàng Kim M.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DSST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền

Tuyên xử:

1. Buộc bà Hoàng Kim M phải dời chỗ ở khác, trả lại toàn bộ căn nhà thờ gắn liền với quyền sử dụng diện tích đất 260,3m^2 thuộc thửa đất 31, Tờ bản đồ số 104 tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 456004 do UBND huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 7 năm 2010 cho ông Ngô Hiền T1).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Hiền T1 cho bà Hoàng Kim M được quyền lưu cư trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và hỗ trợ di dời chỗ ở cho bà M số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Về tài sản chung: Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Ngô Hiền T1 và bà Hoàng Kim M gồm: Mái che phía trước và sau nhà, tường rào, nhà kho, nhà vệ sinh và sửa chữa lát nền gạch bông căn nhà thờ có tổng trị giá 50.000.000đồng. Ông Ngô Hiền T1 được quyền sở hữu tài sản chung này và ông T1 thanh toán cho bà Hoàng Kim M ½ giá trị với số tiền là 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Buộc ông Ngô Hiền T1 phải hỗ trợ thêm cho bà Hoàng Kim M số tiền 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng) để bà M tìm chỗ ở mới.

2. Chi phí đo vẽ, thẩm định và định giá tài sản là 2.990.707đồng thì ông Ngô Hiền T1 đã nộp đủ nên bà Hoàng Kim M phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Ngô Hiền T1 số tiền 1.495.354đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm năm mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 648 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Hiền T1 phải nộp 2.000.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đồng mà ông T1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002844 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền. Hoàn trả cho ông Ngô Hiền T1 số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 1.000.000đồng (Một triệu đồng).

Bà Hoàng Kim M phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu trả lại tài sản của ông Ngô Hiền T1 được chấp nhận và phải nộp 1.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về việc chia tài sản chung. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Hoàng Kim M phải nộp là 1.550.000đồng (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Kim M không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Hàng Kim Mai số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu số 0004360 ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự , huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THA huyện Long Điền;
- TAND huyện Long Điền;
- Tổ HC-TP (VP);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Châu